

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ; phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Hậu Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3522/QĐ-BNN-TY ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 374/QĐ-BNN-TCLN ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 375/QĐ-BNN-TCLN ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 554/QĐ-BNN-TY ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 726/QĐ-BNN-TCLN ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2466/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Lâm nghiệp, Nông nghiệp, Thủy lợi, Thủy sản, Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hậu Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này:

1. Công bố Danh mục 13 thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế; 10 thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Hậu Giang (*kèm theo Danh mục*).

2. Phê duyệt 15 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hậu Giang (*kèm theo Danh mục và Quy trình*).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan:

1. Cập nhật, hoàn chỉnh nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính tại khoản 1, Điều 1 Quyết định này và tổ chức công khai, đăng tải các thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính.

2. Xây dựng, cập nhật Quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại phần mềm của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hậu Giang đối với những Quy trình nội bộ được phê duyệt tại khoản 2, Điều 1 Quyết định.

Thời gian hoàn thành xong trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các thủ tục hành chính lĩnh vực Bố trí, ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh và bố trí, ổn định dân cư trong huyện tại số thứ tự 01 Phần A và số thứ tự 01, 02 phần B Phụ lục kèm theo Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hậu Giang;

Bãi bỏ các thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp tại số thứ tự 05, 06 thủ tục hành chính cấp tỉnh Mục II Phần A và số thứ tự 01 thủ tục hành chính cấp huyện Mục II Phần A Phụ lục kèm theo Quyết định số 2034/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung; thay thế và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hậu Giang;

Bãi bỏ các thủ tục hành chính lĩnh vực Thú y tại số thứ tự từ 07 đến 15 và số thứ tự 18 Phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hậu Giang;

Bãi bỏ Quy trình nội bộ tại số thứ tự 05 Phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 2188/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực kế hoạch - nghiệp vụ, phát triển nông thôn, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hậu Giang;

Bãi bỏ Quy trình nội bộ tại số thứ tự từ 06 đến 14 và số thứ tự 18 theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1554/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi, thú y, thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hậu Giang.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, NC.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trương Cảnh Tuyên

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TỈNH HẬU GIANG**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (05 THỦ TỤC)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (04 THỦ TỤC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết trong tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
1. Lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường (01 thủ tục)						
01	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao	30 ngày làm việc	29 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không có	Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
2. Lĩnh vực Thú y (02 thủ tục)						
02	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 30 ngày; - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 30 ngày không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 29 ngày; - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 29 ngày không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Phí thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng/lần. - Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có).	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch

		theo quy định: 35 ngày không kể thời gian vùng thực hiện khắc phục; - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 35 ngày không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục.	theo quy định: 34 ngày không kể thời gian vùng thực hiện khắc phục; - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 34 ngày không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục.			vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.
03	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng/lần.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật.
3. Lĩnh vực Lâm nghiệp (01 thủ tục)						
04	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	10 ngày làm việc	9 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Không có	Điều 6 Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (01 THỦ TỤC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết trong tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1. Lĩnh vực Lâm nghiệp						
01	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện	10 ngày làm việc	9 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Không có	Điều 6 Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (08 THỦ TỤC)

TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1. Lĩnh vực Thú y (02 thủ tục mới thay thế cho 05 thủ tục đã ban hành)							
01	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 20 ngày;	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 19 ngày;	Trung tâm Phục vụ hành chính công tin	- Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 300.000 đồng/lần. - Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có).	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;
	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)		- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 20 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện hồ sơ;	- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 19 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện hồ sơ;			- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 24 ngày không kể thời gian cơ sở
			- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 25 ngày không kể thời	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 24 ngày không kể thời gian cơ sở			- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;
							- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú

TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1. Lĩnh vực Thú y (02 thủ tục mới thay thế cho 05 thủ tục đã ban hành)							
			gian cơ sở thực hiện khắc phục; - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 25 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục.	thực hiện khắc phục; - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 24 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục.			y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.
02	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.	04 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 300.000 đồng/lần	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật;
	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh thủy sản						- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp,
	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy						

TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1. Lĩnh vực Thú y (02 thủ tục mới thay thế cho 05 thủ tục đã ban hành)							
	sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận						quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
2. Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (02 thủ tục)							
TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết trong tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi	
03	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh	18 ngày làm việc	14 ngày làm việc		700.000 đồng	Thông tư số 32/2022/TTBNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ	

TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1. Lĩnh vực Thú y (02 thủ tục mới thay thế cho 05 thủ tục đã ban hành)							
	doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản			Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh		điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
04	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	18 ngày làm việc	14 ngày làm việc		700.000 đồng	Thông tư số 32/2022/TTBNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
3. Lĩnh vực Lâm nghiệp (04 thủ tục)							
TT	Tên thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý

TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1. Lĩnh vực Thú y (02 thủ tục mới thay thế cho 05 thủ tục đã ban hành)							
05	Xác nhận bảng kê lâm sản	Xác nhận bảng kê lâm sản	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không phải xác minh: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp phải xác minh: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp xác minh có nhiều nội dung phức tạp: Không quá 08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không phải xác minh: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp phải xác minh: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp xác minh có nhiều nội dung phức tạp: Không quá 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. 	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Không có	Điều 5 Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.
06	Phê duyệt khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	Phê duyệt khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).	09 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Không có	Điều 7 Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản
07	Thẩm định, phê duyệt	Phê duyệt Phương án trồng	- Trường hợp không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại	- Trường hợp không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng	Trung tâm phục vụ	Không có	Điều 3 Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của

TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Thời hạn giải quyết tại tỉnh	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1. Lĩnh vực Thú y (02 thủ tục mới thay thế cho 05 thủ tục đã ban hành)							
	phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng rừng sang mục đích khác	rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế	thực địa: 30 ngày làm việc. - Trường hợp phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa: 45 ngày làm việc.	tại thực địa: 29 ngày làm việc. - Trường hợp không phải kiểm tra, đánh giá phương án trồng rừng tại thực địa: 44 ngày làm việc.	Hành chính công tỉnh		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.
08	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	Phê duyệt dự toán, thiết kế Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	- Trường hợp UBND cấp tỉnh bố trí đất trồng rừng trên địa bàn: 30 ngày làm việc. - Trường hợp UBND cấp tỉnh không bố trí được đất trồng rừng trên địa bàn: 40 ngày làm việc.	- Trường hợp UBND cấp tỉnh bố trí đất trồng rừng trên địa bàn: 29 ngày làm việc. - Trường hợp UBND cấp tỉnh không bố trí được đất trồng rừng trên địa bàn: 39 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Không có	Điều 4 Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ (10 THỦ TỤC)**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (07 THỦ TỤC)**

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
1. Lĩnh vực Thú y (05 thủ tục)			
01	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại	Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.	Các thủ tục này trước đây được công bố tại Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân tỉnh Hậu Giang về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hậu Giang.
02	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản)		
03	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận		
04	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận		
05	Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm		
2. Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (01 thủ tục)			
06	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản	Thông tư số 32/2022/TTBNNPTNT ngày 30/12/2022 sửa đổi, bổ sung một	Quyết định số 2034/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
1. Lĩnh vực Thú y (05 thủ tục)			
	(trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP)	số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	mới ban hành; sửa đổi, bổ sung; thay thế và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hậu Giang.
3. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (01 thủ tục)			
07	Bố trí ổn định dân cư ngoài tỉnh	Thông tư số 21/2022/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được bãi bỏ lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Thủ tục này trước đây được công bố tại Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân tỉnh Hậu Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hậu Giang.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (03 THỦ TỤC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định bãi bỏ	Ghi chú
1. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (02 thủ tục)			
01	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	Thông tư số 21/2022/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được bãi bỏ lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thủ tục này trước đây được công bố tại Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân tỉnh Hậu Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hậu Giang.
02	Bố trí ổn định dân cư trong huyện		
2. Lĩnh vực Lâm nghiệp (01 thủ tục)			
03	Xác nhận bảng kê lâm sản	Điều 7, Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.	Thủ tục này trước đây được công bố tại Quyết định 2034/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung; thay thế và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hậu Giang.